

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST

Ngày: 06-6-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: bà Khuất Thị Minh Hiền;
ông Nguyễn Xuân Trường.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Văn Cương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-DS ngày 29/11/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Công L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trương Thị Quỳnh N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: số F H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/10/2023. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** vợ chồng ông Đoàn Văn K, sinh năm 1990. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Phùng Duy P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trương Thị Quỳnh N tại đơn trình bày ghi ngày 04/6/2024 thì:

Cuối năm 2019, ông L có chuyển nhượng cho ông Phùng Duy P diện tích đất khoảng 33.000m² thuộc thôn A xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng với giá là 2.800.000.000đ (hai tỷ tám trăm triệu đồng), ông P đã trả cho ông L số tiền là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng), còn nợ lại ông L số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng).

Năm 2023, do ông P nợ tiền ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H nên ông P chuyển nhượng lô đất trên và số nợ 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) cho ông K, bà H. Sau khi chuyển nhượng đất thì ông P không còn nợ tiền ông K, bà H và ông L. Các bên đã thỏa thuận và thống nhất nên ngày 20/6/2023 ông K ký hợp đồng vay số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) với ông L, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2.5%/tháng, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là 3 tháng nhưng không ghi vào hợp đồng vay tiền.

Tuy nhiên, đến hạn như đã thỏa thuận nhưng vợ chồng ông K, bà H không trả tiền cho ông L mặc dù ông L đã yêu cầu nhiều lần. Vợ chồng ông K, bà H cũng chưa trả tiền lãi cho ông L. Do đó, ông L đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết: buộc ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông L số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng). Ngoài ra ông K, bà H phải trả cho ông L tiền lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng tính từ ngày 20/6/2023 cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong, tính đến ngày 6/6/2024 là 11 tháng 16 ngày, cụ thể như sau: 900.000.000đ x 0,83%/tháng x 11 tháng 16 ngày = 86.154.000đ.

Tổng số tiền cả gốc và lãi ông L yêu cầu ông K, bà H phải trả là 986.154.000đ (chín trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Ngoài ra, ông L không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Đoàn Văn K trình bày tại bản tự khai ghi ngày 24/4/2024 thì:

Ông Phùng Duy P nợ ông số tiền khoảng gần 3.000.000.000đ. Sau nhiều lần đòi nợ, ông P không có khả năng trả nợ cho ông. Ông P nói: ông P có một mảnh đất ở T và bảo ông lấy đất thì anh em không còn nợ nần gì nữa. Ông đã vào xem đất và quyết định lấy đất, trong khi lấy miếng đất trên thì ông biết ông P đang nợ của ông L khoảng 400.000.000đ – 500.000.000đ và ông L có điện thoại trao đổi với ông: nếu muốn lấy miếng đất trên thì phải trả cả gốc lẫn lãi cho ông L là 1.200.000.000đ. Ông không đồng ý nhưng nghĩ nếu không đồng ý thì sẽ không lấy được giấy tờ nên ông đã đồng ý và trả cho ông L 300.000.000đ, còn lại hẹn sau có tiền sẽ trả nốt và nhận nợ với ông L, chứ ông không vay mượn tiền của ông L. Sau

nhiều lần ông L nói kiện ông, ông đã đàm phán và bán lại lô đất với giá bằng một nửa giá lúc đầu nhưng ông L không đồng ý. Ông L vẫn cố tình khởi kiện ông, ông tiếp tục hạ thêm giá nhưng ông L vẫn không mua, ông điện thoại thì ông L không nghe máy.

Việc ông ký hợp đồng vay tiền với ông L là do để cản trừ khoản nợ ông P nợ ông L cả tiền gốc và tiền lãi là 1.200.000.000đ. Do muốn nhận chuyển nhượng đất của ông P thì ông nhận trả nợ thay ông P cho ông L. Ông đã trả cho ông L được 300.000.000đ, còn nợ lại 900.000.000đ nên ngày 20/6/2023, ông và ông L có ký hợp đồng vay tiền để thể hiện ông còn nợ ông L số tiền 900.000.000đ như ông đã trình bày ở trên. Hợp đồng vay tiền trên không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị H (là vợ ông). Chữ ký trong hợp đồng vay tiền là do ông ký. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền gốc là 900.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng thì ông không đồng ý vì ông và ông L đã thỏa thuận với nhau việc cản trừ bằng đất mà ông đã mua của ông P với giá 2.800.000.000đ. Sau đó, ông nhiều lần liên lạc với ông L nhưng ông L không nghe máy, cố tình lẩn tránh ông. Ngoài ra, ông K không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày tại bản tự khai ghi ngày 08/5/2024 thì:

Việc vay mượn và mua bán đất giữa chồng bà với ông Nguyễn Công L không liên quan đến bà. Bà không ký bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến việc vay nợ ông L. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu bà phải có trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ. Do vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà H không trình bày gì thêm.

Ông Phùng Duy P trình bày tại bản tự khai ghi ngày 06/4/2024 thì:

Cuối năm 2019, ông có nhận chuyển nhượng diện tích đất khoảng 33.000m² thuộc thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng của ông Nguyễn Công L với giá là 2.800.000.000đ, ông đã trả một phần tiền, còn nợ lại cả gốc và lãi là 900.000.000đ. Đến năm 2022, ông có nợ ông Đoàn Văn K một số tiền và ông có sang nhượng lại miếng đất trên cho ông Đoàn Văn K và chuyển số nợ 900.000.000đ mà ông nợ ông L sang cho ông K nợ ông L. Việc cản nợ (chuyển giao nợ) thì giữa ông và ông K, ông L cùng thống nhất thỏa thuận với nhau. Do đó, sau khi cản nợ thì ông K nợ ông L số tiền là 900.000.000đ. Do vậy, từ sau thời điểm cản nợ thì ông không liên quan gì đến khoản nợ ông nợ ông L trước đây. Việc ông K nợ ông L 900.000.000đ không liên quan đến ông. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì. Ngoài ra, ông P không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng do các bên đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công L về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H, buộc ông Đoàn Văn K phải trả cho ông Nguyễn Công L số tiền nợ gốc là 900.000.000đ, số tiền lãi là 58.515.000đ. Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Công L về việc yêu cầu ông Đoàn Văn K phải trả khoản tiền lãi là 31.125.000đ. Về án phí, bị đơn ông Đoàn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ tài sản phải trả cho nguyên đơn. Ông Nguyễn Công L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trương Thị Quỳnh N; bị đơn vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Duy P vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Ông Nguyễn Công L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc là 900.000.000đ, số tiền lãi là 86.154.000đ. Do vậy, căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Công L với bị đơn vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xuất phát từ việc giữa ông Nguyễn Công L, ông Phùng Duy P và ông Đoàn Văn K thỏa thuận chuyển giao số nợ từ ông Phùng Duy P nợ ông Nguyễn Công L số tiền là 900.000.000đ sang ông Đoàn Văn K nợ ông Nguyễn Công L. Sau đó, ông Nguyễn Công L và ông Đoàn Văn K đã ký hợp đồng vay tiền lập ngày 20/6/2023. Trong nội dung hợp đồng vay tiền nêu rõ: bên A (ông Nguyễn Công L) đồng ý cho bên B (ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H) vay số tiền là 900.000.000đ; bên A đã giao toàn bộ số tiền nêu trên cho bên B vào ngày của hợp đồng này.

Như vậy, mặc dù xuất phát từ việc ông P nhận chuyển nhượng đất của ông L, ông P còn nợ lại ông L số tiền là 900.000.000đ; sau đó ông P chuyển nhượng đất cho ông K, bà H thì ông P chuyển giao số tiền nợ 900.000.000đ sang cho ông K nhận nợ với ông L. Việc này ông L, ông K, ông P đều thừa nhận. Đồng thời, trong lời khai, ông K cũng thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền với ông L. Ông K khẳng định chữ ký “H” cạnh họ tên “Nguyễn Thị H” là do ông K tự ký, còn bà H khẳng định bà không ký vào giấy vay tiền lập ngày 20/6/2023 và không liên quan đến việc

tiền giữa ông L và ông K; phần cuối giấy vay tiền (bên B) bà H không ký. Do vậy, không có căn cứ buộc bà H cùng có phải trách nhiệm trả nợ cho ông L. Căn buộc ông K phải trả cho ông L số tiền gốc là 900.000.000đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: trong hợp đồng vay tiền lập ngày 20/6/2023, các bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự căn buộc ông Đoàn Văn K phải chịu mức lãi suất là 10%/năm nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng là có căn cứ để chấp nhận, lãi suất tính từ ngày 20/6/2023 đến ngày 06/6/2024 là 11 tháng 16 ngày được tính cụ thể như sau:

$900.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 86.154.000đ.$

Xét ý kiến của ông K cho rằng: ông không vay tiền của ông L mà xuất phát từ việc chuyển nhượng đất giữa ông và ông P nên ông đã đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi cho ông L thay ông P. Ông K không đồng ý trả tiền cho ông L vì giữa ông và ông L đã thỏa thuận cần trừ nợ bằng đất nhiều lần nhưng ông L không đồng ý là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, buộc bị đơn ông K phải trả cho ông L số tiền gốc là 900.000.000đ, số tiền lãi là 86.154.000đ là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí được tính như sau: $36.000.000đ + 3\% \times 186.154.000đ = 41.584.620đ.$

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công L về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Đoàn Văn K, bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Đoàn Văn K phải trả cho ông Nguyễn Công L tổng số tiền gốc và tiền lãi là 986.154.000đ (*chín trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi tư ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: buộc ông **Đoàn Văn K** phải chịu 41.584.620đ (bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi tư ngàn sáu trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông **Nguyễn Công L** 20.844.000đ (hai mươi triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004329 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh